

CÔNG TY CỔ PHẦN SUNSHINE ONE HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SUNSHINE ONE HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SUNSHINE ONE HA NOI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SUNSHINE ONE HA NOI JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109084110

3. Ngày thành lập: 10/02/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 5, Tòa nhà Lya, số nhà 24, ngõ 12 Đào Tấn, Phường Công Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: anhpt@sunshineone.vn

Website: <http://sunshineone.vn>

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các hàng hóa theo quy định của pháp luật	8299(Chính)
2.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa theo quy định pháp luật	4690
3.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định pháp luật	4799
4.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Dịch vụ tư vấn kỹ thuật và Dịch vụ kiến trúc	7110
5.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
6.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Dịch vụ xử lý nước thải	3700

6. Vốn điều lệ: 840.000.000 VNĐ

Tương đương 36.000 USD - Ba mươi sáu nghìn đô la Mỹ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 84.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NAKAMOTO KAZUHIRO	626-15 Kamiokuma, Miyawaka, Fukuoka, Nhật Bản	Cổ phần phổ thông	21.000	210.000.000	25,000	TR6919574	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	21.000	210.000.000	25,000		
2	UTSUNOMIYA YASUSHI	1-4-29 Katashima, Iizuka, Fukuoka, Nhật Bản	Cổ phần phổ thông	21.000	210.000.000	25,000	TS0700557	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	21.000	210.000.000	25,000		

3	UTSUNOMIYA TSUKASA	2603-1 Ganda, Nogata, Fukuoka, Nhật Bản	Cổ phần phổ thông	42.000	420.000.000	50,000	TR5746924
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	42.000	420.000.000	50,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NAKAMOTO KAZUHIRO	626-15 Kamiokuma, Miyawaka, Fukuoka, Nhật Bản	Cổ phần phổ thông	21.000	210.000.000	25,000	TR6919574	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	21.000	210.000.000	25,000		

2	UTSUNOMIYA YASUSHI	1-4-29 Katashima, Iizuka, Fukuoka, Nhật Bản	Cổ phần phổ thông	21.000	210.000.000	25,000	TS0700557
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	21.000	210.000.000	25,000	
3	UTSUNOMIYA TSUKASA	2603-1 Ganda, Nogata, Fukuoka, Nhật Bản	Cổ phần phổ thông	42.000	420.000.000	50,000	TR5746924
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	42.000	420.000.000	50,000	

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NAKAMOTO KAZUHIRO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/06/1965

Dân tộc: Quốc tịch:

Nhật Bản

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: TR6919574

Ngày cấp: 14/10/2016

Nơi cấp: Bộ Ngoại Giao Nhật Bản

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 626-15 Kamiokuma, Miyawaka, Fukuoka, Nhật Bản

Chỗ ở hiện tại: Số 10, ngách 71/7 Đường Linh Lang, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội